

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 30/5/2017

“V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH BP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Mạnh Dũng.

2. Bà Đỗ Thị Ngoãn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Văn Tình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Ông Lương Xuân Duyên - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh BP.

Xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số: 19/2017/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2017, về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2017/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 04 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Ngọc M; Sinh năm 1997.(có mặt).

HKTT: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

Nơi cư trú: Thôn 3, xã Q, huyện C, tỉnh LD.

- Bị đơn: Anh Đỗ Lê Nam Quốc H; Sinh năm 1988. (vắng mặt).

HKTT: Thôn 4, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị Ngọc M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2015, đến năm 2016 đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B. Sau khi kết hôn vợ chồng chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chăm lo cuộc sống gia đình, hay tụ tập bạn bè chơi bời, từ đó vợ chồng thường cãi vã, không còn tôn trọng nhau. Từ tháng 01/2017 chị và anh H sống ly thân đến nay, không hàn gắn được tình cảm, nên chị yêu cầu Tòa giải quyết cho chị ly hôn với anh H.

Chị và anh H có 01 con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 01/4/2016; Chị M có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu anh H có nghĩa vụ cấp dưỡng con chung mỗi tháng 1.000.000đ cho đến khi con chung thành niên.

Về tài sản chung, nợ: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến bị đơn anh Đỗ Lê Nam Quốc H: Tại Biên bản lấy lời ngày 09/3/2017, anh đồng ý ly hôn với chị Bùi Thị Ngọc M; đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng nhưng không đồng ý cấp dưỡng cho con chung mỗi tháng 1.000.000đ theo yêu cầu của chị M; Không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung, nợ chung.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B: Về tố tụng, việc Tòa án thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền, đảm bảo thủ tục tố tụng; Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được ly hôn với bị đơn, đề nghị giao con chung cho chị M nuôi dưỡng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ chị M cung cấp, Tòa án thu thập thể hiện: Chị M và anh H tự nguyện kết hôn, không bị ép buộc, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 06 ngày 07/3/2016. Chị M và anh H phát sinh mâu thuẫn từ khoảng giữa năm 2016, ly thân từ khoảng đầu năm 2017 cho đến nay; Chị M và anh H có 01 con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 01/4/2016 theo giấy khai sinh số 76/TLKS-BS ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân xã Đ. Anh H có ý kiến đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị M nuôi dưỡng theo yêu cầu của chị M, không đồng ý góp tiền nuôi con vì hoàn cảnh khó khăn, không có công việc và thu nhập ổn định. Không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung, nợ chung. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa án tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1] Chị M và anh H tự nguyện chung sống với nhau từ đầu năm 2015, đến năm 2016 đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện B cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 06 ngày 07/3/2016. Như vậy, hôn nhân giữa chị M và anh H là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn anh chị sống hạnh phúc được một thời gian, đến giữa năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh H không chăm lo cuộc sống gia đình, hay cùng bạn bè tụ tập chơi bời, vợ chồng cãi vã, không còn tôn trọng nhau.

[2] Từ tháng 01/2017 chị M và anh H sống ly thân cho đến nay, nhưng không hàn gắn được tình cảm. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng anh H chị M là trầm trọng, kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt. Quá trình giải quyết vụ án anh H đến Tòa trình bày, anh đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị M theo yêu cầu của chị. Tuy nhiên, anh H không đến Tòa tham gia hòa giải và phiên tòa sơ thẩm. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị M theo Điều 56 Luật hôn nhân gia đình là phù hợp.

[3] Về nuôi con chung: Chị M và anh H có 01 con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 01/4/2016. Do con chung chưa đủ 36 tháng tuổi, chị M có nguyện vọng được nuôi con, anh H đồng ý giao con chung cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng, nên cần giao con chung của anh H chị M cho chị M trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Anh H không đồng ý góp tiền nuôi con; Đồng thời, Tại phiên tòa chị M rút yêu cầu đòi anh H góp tiền nuôi, nên không giải quyết. Nếu sau này chị M có yêu cầu anh H góp tiền nuôi con thì sẽ thụ lý giải quyết bằng vụ án khác khi có đủ điều kiện.

Về tài sản, nợ chung: Chị M và anh H không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Chị M phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Ngọc M. Chị Trần Thị Ngọc M và anh Đỗ Lê Nam Quốc H được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Chị Trần Thị Ngọc M có nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Đỗ Thùy L, sinh ngày 01/4/2016. Không đặt ra nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, đồng thời có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Ngọc M có nghĩa vụ nộp 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp trước theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0021108 ngày 14/02/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh BP;

Nguyên đơn, có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh BP;
- VKSND huyện BĐ;
- CCTHADS huyện BĐ;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Nguyễn Văn Huệ